TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 914/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Doãn Thị Nga**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Thái Thục Hiền**
2. Bà **Lý Ngọc Mạnh**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hứa Hồng Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông **Phan Xuân Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Trúc P, sinh năm 1969

Địa chỉ: số 23 HTP, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Cao Thị Thùy Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: số 23 HTP, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – Ông Trần Trúc P trình bày: Ông và bà Cao Thị Thùy Đ chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm, tính tình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến xung đột gay gắt, không thể hàn gắn. Hai bên đã nhiều lần trao đổi, giải quyết mâu

thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vậy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Cao Thị Thùy Đ.

Về con chung: Ông và bà Đ có 03 con chung tên Trần Trúc A sinh ngày 24/5/2002 (đã thành niên), Trần Tuấn Ph sinh ngày 15/5/2007 và Trần Tuấn T sinh ngày 26/10/2009. Do hai con chung là Trần Tuấn Ph và Trần Tuấn T chưa thành niên và đang sống cùng với ông nên sau khi ly hôn ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ph và trẻ T, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Đ không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Đ không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của ông P nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà Đ.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - Ông Trần Trúc P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn – Bà Cao Thị Thùy Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Trúc P và bà Cao Thị Thùy Đ có đăng ký kết hôn, ông P yêu cầu ly hôn với bà Đ, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn là bà Cao Thị Thùy Đ hiện đang cư trú tại Quận 8 (Theo kết quả xác minh của Công an Phường D, Quận H) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Trúc P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông P.

Bị đơn bà Cao Thị Thùy Đ, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Đ vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Đ.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 174, Quyển số 01/2002 ngày 12/02/2007 của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng lời khai của ông P về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông P và bà Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông P: Trong quá trình chung sống, ông P và bà Đ xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về vấn đề tình cảm và nhiều vấn đề trong cuộc sống chung, không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau. Hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn, tìm tiếng nói chung nhưng không đạt được kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn phát sinh từ rất lâu, không thể giải quyết, ông P xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với bà Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Ông P và bà Đ đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập bà Đ đến Tòa để trình bày ý kiến tự khai, tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Điều này cho thấy bà Đ đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông P và bà Đ có 03 con chung tên Trần Trúc A sinh ngày 24/5/2002 (đã thành niên), Trần Tuấn Ph sinh ngày 15/5/2007 và Trần Tuấn T sinh ngày 26/10/2009. Do hai con chung tên Trần Tuấn Ph và Trần Tuấn T chưa thành niên và đang sống cùng với ông P; ông P có công việc ổn

định đủ điều kiện để chăm sóc con nên sau khi ly hôn ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ph và T, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng bà Đ không có bất kỳ ý kiến nào phản hồi về yêu cầu nuôi con của ông P. Ngoài ra, tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung thì trẻ T và trẻ T đều có nguyện vọng được sống chung với ông P. Do đó, việc giao hai trẻ Trần Tuấn Ph và Trần Tuấn T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo quyền lợi cho trẻ và phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định pháp luật tại khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông P không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác định trong thời gian chung sống và bà Đ không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông P phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trúc P về việc xin ly hôn với bà Cao Thị Thùy Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trúc P được ly hôn với bà Cao Thị Thùy Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 174, Quyển số 01/2002 của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí cấp ngày ngày 12/02/2007).

- Về con chung: Ông P và bà Đ có 03 con chung tên Trần Trúc A sinh ngày 24/5/2002 (đã thành niên), Trần Tuấn Ph sinh ngày 15/5/2007 và Trần Tuấn Tú sinh ngày 26/10/2009. Giao cho ông Trần Trúc P trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Tuấn Ph sinh ngày 15/5/2007 và Trần Tuấn T sinh ngày 26/10/2009. Ghi nhận việc ông P không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Cao Thị Thùy Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác định ông và bà Đ không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Ông Trần Trúc P phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002999 ngày 16/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Trúc P, bà Cao Thị Thùy Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường D, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga